TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 451/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12/11/2019

V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiện Hoàn;

Ông Nguyễn Văn Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 537/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kiều H, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Tổ 08, ấp V, xã VHĐ, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Bùi Minh T, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Tổ 08, ấp V, xã VHĐ, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà H có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2019 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Phạm Thị Kiều H trình bày: Hôn nhân của bà với ông Bùi Minh T do cha mẹ định đoạt, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VHĐ, huyện An Phú, tỉnh An Giang vào ngày 08/01/2018. Sau

khi kết hôn bà về nhà ông T sống, đi làm thuê, cuộc sống vừa đủ. Thời gian sau ông T thay đổi cách sống, vô trách nhiệm, không lo cho gia đình, thường xuyên ăn nhậu, chơi bời; bà có khuyên ngăn nhưng ông T không nghe, từ đó làm cho niềm tin của bà đối với ông T không còn nữa và cả hai đã không còn chung sống với nhau khoảng 07 tháng nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nay yêu cầu xin ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Phạm Gia M, sinh ngày 16/3/2019 hiện đang sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T theo quy định nhưng ông T vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà H.

Để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, Tòa án đã thực hiện thủ tục thu thập chứng cứ là xác minh tình trạng mâu thuẫn vào ngày 09/10/2019, được bà Phạm Thị Chi cho biết: Hôn nhân giữa H và T là do cha mẹ định đoạt, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn cả hai lên thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân, trong quá trình chung sống cả hai thường hay phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do T chỉ lo ăn nhậu, chơi bời, thậm chí khi H sinh con T không quan tâm và cũng không về thăm, không đưa tiền cho H nuôi con, một mình H phải lao động vất vả, nhờ phụ giúp của gia đình để nuôi con và hiện nay hai bên đã ly thân khoảng 7 tháng nay. Hiện tại T đang ở thành phố Hồ Chí Minh cùng gia đình. Theo bà thì hai bên không thể chung sống lại được.

Tại biên bản xác minh ngày 10/10/2019 được công an xã VHĐ cho biết hiện ông T vẫn còn đăng ký thường trú tại xã VHĐ theo tàng thư công an đang giữ do ông Bùi Văn Tr làm chủ hộ.

Tại phiên tòa bà H vẫn bảo lưu ý kiến. Riêng ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình tố tụng như xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền, tư cách đương sự, xác minh thu thập chứng cứ… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà thành phần Hội đồng xét xử, thư ký không thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sợ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa cho thấy hôn nhân của bà H và ông T có mâu thuẫn trầm trọng, thời gian không còn chung sống cũng đã lâu mà hai bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Phạm Gia M, sinh ngày 16/3/2019, cháu hiện nay đang sống với bà H. Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà H là giao cháu lại cho bà H được tiếp tục nuôi dạy.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên tại phiên tòa, bà H không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do bà H không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp bà H và ông T có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

- Về án phí: Bà H chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Kiều H khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với ông Bùi Minh T. Ông T có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà H và ông T có đăng ký kết hôn theo quy định nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà H ly hôn với ông T thì thấy: Trong đời sống hôn nhân cả hai thường hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là ông T chỉ lo ăn chơi, không quan tâm chăm sóc gia đình. Thời gian không còn chung sống bà H, ông T đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng và quá trình tố tụng tại Toà án bà H không đồng ý đoàn tụ, ông T không có ý kiến về việc bà H xin ly hôn,

không tham gia các phiên hoà giải nhằm tìm kiếm giải pháp hàn gắn đời sống hôn nhân vì vậy có đủ cơ sở xác định mục đích hôn nhân giữa bà H và ông T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Phạm Gia M, sinh ngày 16/3/2019, hiện đang sống với bà H. Xét thấy: Đến thời điểm Toà án thụ lý, xét xử cháu M chưa đủ 36 tháng tuổi. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng như để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý được tốt, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, tiếp tục giao cháu M cho bà H được tiếp tục nuôi dạy. Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng…được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nhưng do bà H không yêu cầu, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà nên ghi nhận và không buộc ông T phải cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp bà H và ông T có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Kiều H được ly hôn với ông Bùi Minh T.

- Về con chung: Bà H được tiếp tục nuôi dạy cháu Bùi Phạm Gia M, sinh ngày 16/3/2019 hiện đang sống chung với bà H. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0011557 ngày 09/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà H đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02 ngày 08/01/2018 do UBND xã VHĐ cấp không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh AG (1);*
- *VKS tỉnh AG (1);*
- *VKS huyện AP (2);*
- *THADS huyện AP (1);*
- *UBND xã V Đông (1);*
- *Các đương sự (2);*
- *Lưu HS,VP (2);*

Nguyễn Quang Bảo